

Số: /QĐ-UBND

Long Biên, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá trường đạt mô hình  
Trường học chuyển đổi số trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở  
trên địa bàn quận Long Biên

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công nghệ thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Chương trình số 01-CTr/QU ngày 15/10/2020 của Quận ủy Long Biên về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập giai đoạn 2020-2025”;

Căn cứ Đề án ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý, hướng tới chuyển đổi số quận Long Biên giai đoạn 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 8265/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá trường đạt mô hình “Trường học điện tử” các trường Mầm non (MN), Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn quận Long Biên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở quận Long Biên đạt mô hình “Trường học chuyển đổi số”, trong đó:

1. Mức độ chuyển đổi số tại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở được đánh giá ở ba mức độ:

- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Đạt từ 95 điểm trở lên
- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Đạt từ 80 điểm đến dưới 95 điểm
- Mức chưa đáp ứng (Mức 1): Dưới 80 điểm (Chưa đáp ứng)

Các tiêu chí bắt buộc phải đạt điểm tối thiểu trên 50% tổng số điểm.

2. Việc xác định mức độ chuyển đổi số tại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thực hiện mô hình "Trường học chuyển đổi số" được đánh giá theo bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định này. Hằng năm nhà trường báo cáo kết quả tự đánh giá về Phòng GDĐT trước 31/5.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 8265/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND quận Long Biên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý dự án và đầu tư xây dựng, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở thực hiện mô hình "Trường học chuyển đổi số" trên địa bàn quận Long Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT QU-HĐND-UBND Quận; để b/c
- Như Điều 3;
- Lưu VT, GDĐT (05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Hằng**

**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TRƯỜNG HỌC CHUYỂN ĐỔI SỐ  
TẠI CÁC TRƯỜNG MN, TH, THCS QUẬN LONG BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Long Biên)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Cách chấm điểm</b>	<b>Minh chứng</b>	<b>Đơn vị đánh giá</b>
<b>I</b>	<b>TIÊU CHUẨN 1: MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH</b>	<b>30</b>			
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo điều hành</b>	<b>10</b>			
1.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cá nhân và bộ phận. Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường;</li> <li>- Định kỳ hàng tháng kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện theo kế hoạch</li> <li>- Có Hồ sơ đề nghị đánh giá mức độ chuyển đổi số (đối với cấp TH, THCS).</li> <li>- Định kỳ hàng tháng kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện theo kế hoạch</li> </ul>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch không đảm bảo chất lượng trừ 0,5 điểm</li> <li>- Không kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện hoặc đánh giá không sát với kết quả thực hiện (mỗi nội dung tồn tại trừ 0,5 điểm)</li> <li>- Chưa có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể của lãnh đạo và giáo viên nhà trường trong việc triển khai mô hình hoặc phân công không đảm bảo yêu cầu (trừ 0,5 điểm).</li> <li>- Mỗi biên bản, báo cáo tháng thiếu (trừ 0,25 điểm)</li> </ul>	Kế hoạch/ VB triển khai / Hồ sơ	Phòng Nội vụ (PNV)
1.2	<p>Ban hành các văn bản quy trình, nội qui sử dụng hệ thống CNTT; trách nhiệm về quản lý, khai thác sử dụng hệ thống, có kiểm soát, đánh giá việc sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội quy quản lý, sử dụng, khai thác các phòng học.</li> </ul>	4	Thiếu nội qui, quy định trừ 0.5 điểm/01 nội dung	Đường Link/ VB	PNV

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định về quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thiết bị CNTT.</li> <li>- Kiểm soát, đánh giá việc thực hiện theo quy định</li> </ul>				
1.3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT cho CBQL, GV, NV.</li> <li><b>* Đối với cấp TH, THCS</b></li> <li>- Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp, ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm).</li> <li>- Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.</li> <li><b>* Đối với cấp MN</b></li> <li>- Ban hành kế hoạch, quy chế tổ chức hoạt động kết nối trực tuyến khi học sinh phải nghỉ học dài ngày do dịch bệnh hay các vấn đề khác (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng năm)</li> </ul>	2	- Kế hoạch, quy chế không đảm bảo chất lượng trừ 0,5 điểm/ tồn tại	Đường Link/ VB	Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Nguồn nhân lực</b>	<b>15</b>			
2.1	<p>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% CBQL biết khai thác và chịu trách nhiệm dữ liệu đầu vào phần mềm CSDL Ngành</li> <li>- 100% GV có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học; có kỹ năng xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.</li> <li>- 100% CBGVNV khai thác, sử dụng các phần mềm để thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul>	10	Mỗi cán bộ, giáo viên chưa sử dụng thành thạo các phần mềm có liên quan đến công việc (trừ 0,5 điểm)		GDĐT

2.2	Cán bộ CNTT trường học: - Tham mưu, vận hành hệ thống công TTĐT của nhà trường đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả - Thường xuyên quản lý, kiểm soát theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT	5	- Cán bộ CNTT chưa kịp thời tham mưu triển khai các nội dung mô hình theo chỉ đạo của quận (trừ 0,5 điểm/tồn tại) - Hồ sơ quản lý, theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống CNTT (trừ 0,5 điểm/tồn tại)	Đường Link	Ban QLDA
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Các điều kiện đảm bảo khác</b>	<b>5</b>			
3.1	Bố trí ngân sách đảm bảo cho việc xây dựng và vận hành mô hình theo quy định	3	- Chưa có dự toán được phê duyệt dành cho việc triển khai mô hình (trừ 3 điểm) - Có dự toán nhưng chưa bố trí kinh phí đúng cho việc triển khai mô hình (trừ 0,5 điểm/nội dung còn thiếu). - Kiểm tra xác suất hồ sơ thanh quyết toán (trừ 0,5 điểm/tồn tại)	VB	Phòng TCKH
3.2	Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị; hồ sơ đề xuất sửa chữa, thay thế (biên bản kiểm tra trang thiết bị, hợp đồng bảo trì bảo dưỡng, nghiệm thu...)	2	- Không có hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng hoặc đơn vị bảo trì không đảm bảo năng lực và căn cứ pháp lý (trừ 1đ) - Không có BB kiểm tra, đánh giá chất lượng trang thiết bị (trừ 1đ) - Thiết bị hỏng, không duy tu, duy trì (từ 1đ)	VB/ Hồ sơ	Ban QLDA
<b>II</b>	<b>TIÊU CHUẨN 2: TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG MÔ HÌNH</b>	<b>50</b>			
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>20</b>			
1.1	- Tiếp nhận và khai thác có hiệu quả các phần mềm ứng dụng do Thành phố và Quận triển khai	8	- Chưa triển khai phần mềm ứng dụng chỉ đạo (trừ 01 điểm/phần mềm)	Đường link	Ban QLDA

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý, kiểm soát và khai thác hiệu quả thông tin dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng dùng chung</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin dữ trên phần mềm ứng dụng chung (trừ 0,5 điểm/ tồn tại)</li> <li>- Khai thác không hiệu quả các dữ liệu hình thành trên các phần mềm do Bộ GDĐT và Sở GDĐT triển khai phục công tác quản lý (trừ 1 điểm)</li> </ul>		
1.2	<p>Triển khai phần mềm quản trị nhà trường trên CSDL và phần mềm chuyên ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)</li> <li>- Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử (đối với cấp TH, THCS)</li> <li>- Quản lý đội ngũ CBGVNV</li> <li>- Quản lý cơ sở vật chất</li> <li>- Quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh</li> <li>- Quản lý kế toán</li> <li>- Phần mềm kết nối trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)</li> </ul>	8	<p>Các phần mềm được liên kết với nhau – Báo cáo của phần mềm (Module) này là dữ liệu đầu vào cho phần mềm (Module) khác</p> <p>Mỗi lĩnh vực thiếu trừ 1 điểm.</p>	Đường link	GDĐT
1.3	<p>Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)</li> <li>- Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ công toàn trình hoặc mức độ công toàn phần (Tuyển sinh đầu cấp, chuyển trường...)</li> <li>- Có triển khai thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.</li> <li>- Có hệ thống điểm danh học sinh kết nối thông tin tới phụ huynh học sinh.</li> </ul>	4	Mỗi lĩnh vực thiếu trừ 1 điểm.	Đường link	GDĐT

2	<b>Tiêu chí 2: Chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập</b>	20			
2.1	GV khai thác, sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học hiệu quả phù hợp trong công tác giảng dạy	4	Mỗi GV không khai thác phần mềm trong dạy học trừ 0.5 điểm/GV		GĐĐT
2.2	Học liệu được số hóa đảm bảo số lượng và chất lượng (theo môn học, khối lớp). Học liệu được cập nhật, bổ sung hàng năm.	6	Mỗi nội dung thiếu, không đảm bảo trừ 1 điểm	Đường link và số lượng học liệu	GĐĐT
2.3	<p><b>* Đối với cấp TH, THCS:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)</li> <li>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai chức năng:               <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</li> <li>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</li> <li>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</li> <li>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh</li> </ol> </li> </ul>	6	Thiếu mỗi chức năng trừ 1 điểm	Đường link, tên giải pháp	GĐĐT
	<p><b>* Đối với cấp mầm non:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai hệ thống phần mềm quản lý kế hoạch giáo dục, quản lý nuôi dưỡng:</li> <li>+ Quản lý Kế hoạch giáo dục triển khai chức năng:               <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Xây dựng Kế hoạch giáo dục</li> <li>(2) Xây dựng dự kiến Chủ đề sự kiện</li> <li>(3) Xây dựng TKB</li> <li>(4) Xây dựng mục tiêu năm học của nhà trường, mục tiêu của từng độ tuổi.</li> <li>(5) Đánh giá sự phát triển của trẻ</li> </ol> </li> <li>+ Quản lý nuôi dưỡng</li> </ul>		Thiếu mỗi chức năng trừ 1 điểm		

	(1) Cân đối khẩu phần ăn (2) Xây dựng thực đơn				
2.4	<p><b>* Đối với cấp TH, THCS:</b> - Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) - Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.</p> <p><b>* Đối với cấp Mầm non:</b> Tổ chức cho trẻ Cho trẻ làm quen với máy tính và các phần mềm (Kismart, Bút chì thông minh...)</p>	4	<p>- Không tổ chức: 0 điểm - Không rõ kế hoạch, lịch kiểm tra, minh chứng kết quả...trừ 0,5 điểm/ nội dung</p>		GDDT
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Trang thông tin điện tử</b>	<b>10</b>			
3.1	<p><b>Thông tin giới thiệu:</b> + Thông tin chung về nhà trường (Lịch sử hình thành, các giai đoạn phát triển, các thành tích đạt được, định hướng phát triển, ...) + Cơ cấu tổ chức (Thông tin BGH, các tổ bộ môn, giáo viên, nhân viên, ...) + Thông tin liên hệ, trao đổi, giải đáp thắc mắc của đơn vị với phụ huynh học sinh và cơ quan, tổ chức bên ngoài khác</p>	2	<p>- Chưa cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin: trừ 0,5 điểm/tồn tại</p>	Đường link	GDDT
3.2	<p><b>Tin tức, sự kiện hoạt động:</b> Kịp thời, đầy đủ đăng tải các tin tức, hoạt động nổi bật, các sự kiện trong tháng hoặc năm học (ít nhất mỗi tháng 4 bài – trừ 3 tháng hè)</p>	2	<p>- Tin tức sự kiện diễn ra nhưng không đăng tải hoặc không đăng tải kịp thời (mỗi hoạt động thiếu (trừ 1đ)</p>	Đường link	GDDT



3.3	<p><b>Các chuyên mục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cập nhật đầy đủ, thường xuyên Kho học liệu điện tử, các nội dung công khai; Hệ thống văn bản chỉ đạo các cấp; Các chuyên mục khác theo quy định</li> <li>+ Các hình ảnh được đăng tải trong thư mục Album ảnh: cập nhật theo tiến độ các hoạt động tổ chức tại đơn vị</li> </ul>	2	- Không có nội dung trong mỗi chuyên mục (trừ 2đ)	Đường link	GDDT
3.4	Chuyên mục bài giảng Elearning: Bài giảng đăng tải theo chuẩn HTML5 có thể xem trực tiếp trên trình duyệt web cũng như các thiết bị di động thông minh và được cập nhật, bổ sung hàng năm.	2	Dưới 10 bài giảng Elearning: tối đa 1 điểm Dưới 15 bài giảng Elearning: tối đa 1,5 điểm	Đường link	GDDT
3.5	Trang thông tin điều hành nội bộ (Lớp 2) <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% GV có tài khoản đăng nhập</li> <li>- Vận hành khai thác hiệu quả ngăn thư mục</li> <li>- Cập nhật đầy đủ các thông tin, văn bản phục vụ quản lý, điều hành nội bộ của đơn vị:</li> </ul>	2	- Lớp 2 không hoạt động: không chấm điểm - GV không đăng nhập vào lớp 2 trừ 0,5 điểm/ GV	Đường link	GDDT
<b>III</b>	<b>TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>	<b>15</b>			
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Trang thiết bị CNTT</b>	<b>5</b>			
1.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt và khai thác sử dụng đúng mục đích, yêu cầu</li> <li>- Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet.</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa bố trí theo đúng mô hình: trừ 0,5 điểm/tồn tại.</li> <li>- Chưa lắp đặt, khai thác sử dụng đúng yêu cầu: trừ 0,5 điểm/tồn tại.</li> <li>- Phòng học thiếu trang thiết bị: trừ 0,5 điểm/ phòng.</li> <li>- Thiết bị chưa được quản lý, kiểm soát, theo dõi tần suất hoạt động: trừ 0,5 điểm/tồn tại.</li> </ul>		Ban QLDA

1.2	Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	1	Có phòng nhưng thiếu thiết bị trừ 0,5 điểm		Ban QLDA
1.3	Lưu trữ đầy đủ hồ sơ về quản lý trang thiết bị (việc đầu tư, nâng cấp, luân chuyển, bàn giao sử dụng, sửa chữa, thay thế thiết bị)	2	Chưa lưu trữ đầy đủ hồ sơ về quản lý trang thiết bị theo quy định: trừ 0,5 điểm/tồn tại.		Ban QLDA
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hệ thống mạng kết nối</b>	<b>4</b>			
2.1	Mạng LAN: Đảm bảo 100% máy tính, máy in kết nối mạng LAN (tại phòng Tin học)	2	Mạng LAN không đảm bảo việc truy cập ổn định: trừ 05 điểm	Kiểm tra hệ thống	Ban QLDA
2.2	- Mạng Internet: Cấp quang đảm bảo tốc độ kết nối từ 300 Mbps trở lên và có phương án dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố đường truyền. - Hệ thống wifi đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường	2	- Hệ thống internet không đảm bảo tốc độ: trừ 01 điểm - Hệ thống wifi hoạt động không ổn định: trừ 01 điểm	Kiểm tra hệ thống	Ban QLDA
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Các điều kiện đảm bảo khác</b>	<b>6</b>			
3.1	An ninh, an toàn thông tin: + 100% máy tính phục vụ công tác quản lý, dạy học được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền + 100% máy tính học sinh có phần mềm diệt virus (bản quyền hoặc miễn phí) + Tài khoản quản trị cổng thông tin điện tử của nhà trường được bảo mật	3	Mỗi nội dung không đáp ứng: trừ 0,5 điểm	Kiểm tra hệ thống	Ban QLDA
3.2	Hệ thống camera giám sát hoạt động hiệu quả, ổn định; có hệ thống màn hình quản lý, theo dõi tập trung hình ảnh	3	- Không kiểm soát, quản lý vận hành khai thác sử dụng: trừ 01 điểm		Ban QLDA

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không khắc phục kịp thời các sự cố: trừ 01 điểm</li> <li>- Không đảm bảo các nội dung vận hành hệ thống: trừ 0,5 điểm/nội dung</li> </ul>			
<b>IV</b>	<b>Nhóm điểm thưởng</b>	<b>5</b>				
1	<p>* <b>Đối với cấp TH, THCS:</b> Học sinh đạt giải trong các kì thi về công nghệ thông tin hoặc ứng dụng công nghệ thông tin cấp Quận, Thành phố, Quốc gia</p> <p>* <b>Đối với cấp mầm non:</b> Ứng dụng thực hiện chương trình phần mềm Kidsmart, happykid cho trẻ mẫu giáo từ 3 tuổi đến 5 tuổi</p> <p>* <b>Đối với cấp mầm non:</b> Ứng dụng thực hiện chương trình phần mềm máy tính hoặc ứng dụng di động mới cho trẻ mẫu giáo từ 3 tuổi đến 5 tuổi (Không tính bộ phần mềm kidsmart vì đã trùng với tiêu chí 2.4 của tiêu chuẩn 2)</p>	2	Có HS đạt giải cấp Quận (01 điểm/giải), cấp TP (1.5 điểm/giải), cấp Quốc gia (2 điểm/giải). Tối đa 2 điểm, lấy theo thành tích cao nhất.	Giấy giấy nhận	khen/ chứng	
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên đạt giải trong hội thi các cấp về ứng dụng công nghệ thông tin.</li> <li>- Giáo viên có bài giảng Elearning đạt giải các cấp.</li> </ul>	2	Có GV đạt giải cấp Quận (01 điểm/giải), cấp TP (1.5 điểm/giải), cấp Quốc gia (2 điểm/giải). Tối đa 2 điểm, lấy theo thành tích cao nhất.			GDDT
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng kiến, sáng tạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập có thể áp dụng rộng rãi trong các nhà trường được các cấp ghi nhận.</li> <li>- Có mô hình điểm về Chuyển đổi đổi số cho Quận, Thành phố.</li> </ul>	1	Cấp Quận: 0.5 điểm Cấp TP trở lên: 1 điểm			GDDT
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>				

